TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 6 - 2025

V/v: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thể và ông Bùi Văn Hồng

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa***: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2025/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2025/TB-TA, ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa:

- Họ và tên nguyên đơn: Trần Thị H, Sinh ngày: 11/11/1982. Địa chỉ: thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt)

- Họ và tên bị đơn: Lê Trường S, Sinh ngày: 01/8/1979. HKTT trước khi xuất cảnh: thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện tại đang ở tại Đài Loan (Đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lê Trường S đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26/12/2001, tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2019, vì điều kiện kinh tế anh S đi lao động tại Đài Loan. Do khoảng cách về địa lý, vợ chồng không có điều kiện gần gũi nhau, vợ chồng khác biệt nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên mâu thuẫn, xung đột, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị Trần Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các nội dung:

- Về tình cảm: Chị Trần Thị H xin ly hôn anh Lê Trường S

- Về con chung: vợ chồng có hai con chung, cháu Lê Trần Trung N, sinh ngày 4/10/2002; cháu Lê Trần Thành Đ, sinh ngày 23/11/2009. Từ nhỏ đến lớn hai cháu ở với mẹ và ông bà ngoại. Nay vợ chồng ly hôn chị H có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Trần Thành Đ, không yêu cầu anh S nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về phía bị đơn anh **Lê Xuân S1** sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án tỉnh Hà Tĩnh đã thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải niêm yết văn bản tố tụng tại **UBND xã X** và thông báo cho gia đình anh **S1** biết việc chị **H** nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Tại biên bản làm việc ngày 12/5/2025, bà **Nguyễn Thị X** (mẹ anh **S1**), thông qua cuộc gọi bằng hình ảnh, anh **S1** trình bày thống nhất với chị **H** về tình cảm anh đồng ý ly hôn; về con chung anh **S1** đồng ý giao con chung cho chị **H** nuôi dưỡng, anh **S1** cấp dưỡng nuôi con chung cháu **Lê Trần Thành Đ** mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi cháu **Lê Thành Đ** tròn 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 87; 123 Luật hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28; 37; 464 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về hướng dẫn một số quy định của pháp luật về giải quyết án Hôn nhân gia đình Điều 25, điểm a, mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu miễn giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí, giải quyết:

- Về tình cảm: cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Lê Trường S

- Về con chung: giao con chung cháu Lê Trần Thành Đ, sinh ngày 23/11/2009 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S nộp tiền cấp dưỡng nuôi con

chung mỗi tháng 2.500.000 đồng đến khi cháu Lê Trần Thành Đ tròn 18 tuổi. Anh S được quyền thăm nom con chung không được ai cản trở

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm, anh Lê Trường S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị H trình bày hiện nay anh Lê Trường S đang lao động tại Đài Loan, không có địa chỉ cụ thể. Vì vậy, Tòa án đã đề nghị Cục Q cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Lê Trường S và tại Công văn số 444/QLXNC – Đ1, ngày 18/4/2025 của Phòng QLXNC Công an tỉnh H cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Lê Trường S, sinh ngày 01/8/1979 đã xuất cảnh ngày 01/6/2017 qua sân bay Quốc tế N và hiện chưa có thông tin nhập cảnh trên hệ thống. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về anh Lê Trường S thông qua người thân của anh và thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng và đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Tại phiên tòa, anh Lê Trường S xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để giải quyết vắng mặt anh S theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lê Trường S đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2019, vì điều kiện kinh tế anh S đi lao động tại Đài Loan. Do khoảng cách về địa lý, vợ chồng không có điều kiện gần gũi nhau, vợ chồng khác biệt nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên mâu thuẫn, xung đột, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị Trần Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn anh Lê Trường S. Về phía bị đơn anh Lê Trường S, thông qua cuộc gọi điện bằng hình ảnh, có ghi âm, ghi hình, có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị X (mẹ anh S), anh S thống nhất về tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

Xét thấy, thực tế hôn nhân giữa chị Trần Thị H với anh Lê Trường S tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì cuộc sống chung vợ chồng là không có ý nghĩa, cả hai người đã không còn quan tâm, sống

ly thân với nhau, nên đề nghị giải quyết cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Trường S.

[2.2] Về con chung: vợ chồng có hai con chung, cháu Lê Trần Trung N, sinh ngày 4/10/2002; cháu Lê Trần Thành Đ, sinh ngày 23/11/2009. Từ nhỏ đến lớn hai cháu ở với mẹ và ông bà ngoại. Nay vợ chồng ly hôn chị H có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Trần Thành Đ, không yêu cầu anh S nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía bị đơn anh Lê Trường S, tại cuộc gọi điện thoại bằng hình ảnh, anh S thống nhất giao con chung cháu Thành Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng đến khi cháu Thành Đ tròn 18 tuổi. Xét thấy, hiện tại cháu Lê Trần Trung N đã trưởng thành, cháu ở với ai tuỳ quyết định của cháu; đối với cháu Lê Trần Thành Đ hiện tại cháu đang ở với mẹ, cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, bản thân cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu Thành Đ, nên cần giao con chung cháu Lê Trần Thành Đ cho chị Trần Thị H chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, bị đơn anh Lê Trường S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 87; 123 Luật hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28; 37; 464 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về hướng dẫn một số quy định của pháp luật về giải quyết án Hôn nhân gia đình Điều 25, điểm a, mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu miễn giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Lê Trường S.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Lê Trần Thành Đ, sinh ngày 23/11/2009 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Lê Trường S được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Trường S về việc đóng tiền cấp dưỡng nuôi cháu Lê Trần Thành Đ mỗi tháng 2.500.000đ.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

000003629125 ngày 04/4/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Buộc anh Lê Trường S phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm - TAND Tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Đan Hải, tỉnh Hà Tĩnh
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Lệ Thu